

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài:

**THIẾT KẾ BÀI HỌC MINH HỌA VÀ KẾ HOẠCH
DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN MỚI (2018)**

Môn: Ngữ văn

Cấp học: Trung học phổ thông

Tên tác giả: MAI TRÍ TRUNG

**Đơn vị công tác: Trường THCS-THPT Lương Thế Vinh
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

Chức vụ: Giáo viên

NĂM HỌC 2022-2023

MỤC LỤC	1
1. Lí do chọn đề tài	2
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu	3
5. Đóng góp của đề tài	3
6. Bố cục của đề tài	3
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	4
1.1. Cơ sở lý luận	4
1.2. Cơ sở thực tiễn	9
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ BÀI HỌC MINH HỌA ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NGỮ VĂN MỚI 2018	18
CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THEO CHỦ ĐỀ MÔN NGỮ VĂN ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI 2018	23
3.1. Kế hoạch dạy học chủ đề	23
3.2. Quy trình thiết kế bài học theo chủ đề	24
3.3. Thiết kế bài học theo chủ đề	26
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	33
TÀI LIỆU THAM KHẢO	34

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu về nhân lực và hội nhập quốc tế, chương trình giáo dục phổ thông mới đã được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đối với chương trình môn học Ngữ văn, trên cơ sở mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản về tiếng Việt và văn học, chương trình được tích hợp trong quá trình dạy học các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe nhằm hình thành và phát triển năng lực chuyên biệt của người học là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Với ý nghĩa đó, việc thiết kế bài học minh họa và kế hoạch dạy học theo chủ đề đáp ứng những tư tưởng đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) có tính chất cần thiết và có giá trị thực tiễn. Đây sẽ là những định hướng thiết thực, cụ thể giúp giáo viên giảng dạy Ngữ văn và những người quan tâm đến chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn mới có cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về những thay đổi căn bản của chương trình cũng như có khả năng nghiên cứu, thiết kế được kế hoạch dạy học đáp ứng mục tiêu và quan điểm dạy học mới theo định hướng phát triển năng lực học sinh Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất, thiết kế bài học minh họa và xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề tích hợp (đọc - viết - nói - nghe) đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới (2018).

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu, phân tích các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nói chung, chương trình Ngữ văn nói riêng đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học.
- Thiết kế bài học minh họa yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn mới 2018
- Xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ yếu cầu của chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới (2018).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là bài học minh họa và kế hoạch dạy học theo chủ đề đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới (2018)

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu 01 bài minh họa theo hướng tổ chức dạy học 01 bài học độc lập trong SGK Ngữ văn hiện hành theo yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018
- Đề tài xác định và xây dựng 01 chủ đề dạy học tích hợp ở THPT với 03 bài học: đọc hiểu - viết - nói - nghe.

4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

- Tiếp cận năng lực: đề tài xây dựng thiết kế bài học minh họa và kế hoạch dạy học theo chủ đề theo tiếp cận năng lực học sinh
- Tiếp cận thực tiễn: đề tài dựa trên thực tiễn chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) mới được ban hành và các bài học trong SGK Ngữ văn hiện hành.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp* những vấn đề lý thuyết về chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nói chung và chương trình Ngữ văn nói riêng; thiết kế kế hoạch dạy học từ sách, bài báo, tài liệu khoa học trong và ngoài nước.
- *Phương pháp thực nghiệm*: thiết kế thực nghiệm bài học minh họa và kế hoạch dạy học theo chủ đề.

5. Đóng góp của đề tài

5.1. Về mặt lý luận

- Đề tài làm rõ những yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nói chung và chương trình Ngữ văn nói riêng đối với việc thiết kế và tổ chức dạy học.

5.2. Về mặt thực tiễn

- Trên cơ sở thiết kế bài học minh họa và xây dựng kế hoạch dạy học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới, đề tài đã đưa ra một quy trình cụ thể giúp giáo viên Ngữ văn có những định hướng trong dạy học Ngữ văn nhằm hình thành những kỹ năng đọc hiểu, nói, nghe, viết cho người học.

6. Bố cục của đề tài

- Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài có cấu trúc 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Thiết kế bài học minh họa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình môn Ngữ văn 2018

Chương 3: Xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề môn Ngữ văn THPT đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình môn Ngữ văn 2018.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Thiết kế bài học

Trong lĩnh vực giáo dục, thiết kế dạy/ bài học có nghĩa tương đương với giáo án - tên gọi bài soạn của người giáo viên. Trong thuật ngữ “*giáo án*”, “*giáo*” có nghĩa là dạy, rộng hơn là giáo dục; “*án*” là văn bản (luận án, đồ án). Chữ “*án*” trong giáo án còn được hiểu là *phương án*. Vì thế, giáo án có thể hiểu là một văn bản thể hiện một (những) phương án tiến hành hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục của chương trình.

Thiết kế dạy học là bản kế hoạch dạy học mà giáo viên sáng tạo ra để tổ chức, hướng dẫn học sinh tiến hành các hoạt động học Ngữ văn theo các yêu cầu mà chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn đã quy định. Trong đó, giáo viên là người “*thiết kế*”, học sinh là người “*thi công*”.

1.1.2. Dạy học theo chủ đề

1.1.2.1. Quan điểm về xây dựng chủ đề dạy học

Định hướng xây dựng chủ đề (hay chuyên đề) được hướng dẫn tại công văn số: 5555/BGDĐT-GDTrH: “*Thay cho việc dạy học đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong sách giáo khoa như hiện nay, các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở rà soát chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng*” [1].

Theo định hướng này, giáo viên hoặc tổ bộ môn tự chủ xây dựng chủ đề trên cơ sở sắp xếp nội dung để phù hợp với phương pháp, kỹ thuật dạy học. Dựa vào yêu cầu cần đạt trong chương trình Ngữ văn mới, lựa chọn nội dung phù hợp để thiết kế thành chủ đề. Để tổ chức dạy học chủ đề theo định hướng phát triển năng lực, thiết kế kế hoạch dạy học gồm các hoạt động của học sinh.

1.1.2.2. Quy trình xây dựng chủ đề

Mỗi bài học phải giải quyết trọn vẹn một vấn đề học tập. Vì vậy, việc xây dựng mỗi bài học cần thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

Vấn đề cần giải quyết có thể là một trong các loại sau:

- Vấn đề tìm kiếm, xây dựng kiến thức mới.
- Vấn đề kiểm nghiệm, ứng dụng kiến thức.
- Vấn đề tìm kiếm, xây dựng, kiểm nghiệm và ứng dụng kiến thức mới.

Căn cứ vào nội dung chương trình, SGK của môn học và những ứng dụng kỹ thuật, hiện tượng, quá trình trong thực tiễn, tổ/nhóm chuyên môn xác định các nội dung kiến thức liên quan với nhau được thể hiện ở một số bài/tiết hiện hành, từ đó xây dựng thành một vấn đề chung để tạo thành một chuyên đề dạy học đơn môn. Trường hợp có những nội dung kiến thức liên quan đến nhiều môn học, lãnh đạo nhà trường giao cho các tổ chuyên môn liên quan cùng nhau lựa chọn nội dung để thống nhất xây dựng các chủ đề tích hợp, liên môn.

Tùy nội dung kiến thức; điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường; năng lực của giáo viên và học sinh, có thể xác định một trong các mức độ sau:

Mức 1: Giáo viên đặt vấn đề, nêu cách giải quyết vấn đề. Học sinh thực hiện cách giải quyết vấn đề theo hướng dẫn của giáo viên. Giáo viên đánh giá kết quả làm việc của học sinh.

Mức 2: Giáo viên nêu vấn đề, gợi ý để học sinh tìm ra cách giải quyết vấn đề. Học sinh thực hiện cách giải quyết vấn đề với sự giúp đỡ của giáo viên khi cần. Giáo viên, học sinh cùng đánh giá.

Mức 3: Giáo viên cung cấp thông tin tạo tình huống có vấn đề. Học sinh phát hiện và xác định vấn đề nảy sinh, tự đề xuất các giả thuyết, giải pháp và lựa chọn giải pháp. Học sinh thực hiện giải pháp để giải quyết vấn đề. Giáo viên và học sinh cùng đánh giá.

Mức 4: Học sinh tự lực phát hiện vấn đề nảy sinh trong hoàn cảnh của mình hoặc cộng đồng, lựa chọn vấn đề cần giải quyết. Học sinh giải quyết vấn đề, tự đánh giá chất lượng, hiệu quả, có ý kiến bổ sung của giáo viên khi kết thúc.

a. Bước 2: Xây dựng, lựa chọn nội dung để xây dựng bài học

Căn cứ vào tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức hoạt động học cho học sinh, từ tình huống xuất phát đã xây dựng, dự kiến các nhiệm vụ học tập cụ thể tiếp theo tương ứng với các hoạt động học của học sinh, từ đó xác định các nội dung cần thiết để cấu thành chủ đề bài học. Lựa chọn các nội dung của chủ đề từ các bài/tiết trong sách giáo khoa của một môn học hoặc/và các môn học có liên quan để xây dựng nội dung dạy học. Thông thường, các bài học thuộc cùng một chủ đề trong sách giáo khoa hiện hành được đặt gần nhau, trong cùng một chương, gồm: các bài học lí thuyết mới; bài học luyện tập; bài học thực hành; bài ôn tập, củng cố... Về thực chất, mỗi bài học này tương ứng với một loại hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực.

b. Bước 3: Xác định mục tiêu bài học

Xác định năng lực mà học sinh có thể hình thành và phát triển khi học bài học.

c. Bước 4: Mô tả mức độ yêu cầu của chỉ số hành vi

Mô tả mức độ yêu cầu cần đạt ứng với các chỉ số hành vi của năng lực để học sinh hình thành và phát triển.

d. Bước 5: Biên soạn các câu hỏi/bài tập luyện tập

Theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động DH và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo nội dung đã xây dựng.

e. Bước 6: Thiết kế tiến trình dạy học

Thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học được tổ chức cho học sinh có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Trong chuỗi hoạt động học, đặc biệt quan tâm xây dựng tình huống xuất phát.

1.1.3. Tiêu chí đánh giá kế hoạch dạy học

Việc đánh giá về kế hoạch và tài liệu dạy học được thực hiện dựa trên hồ sơ dạy học theo các tiêu chí về: Phương pháp dạy học tích cực; kỹ thuật tổ chức hoạt động học; thiết bị dạy học và học liệu; phương án kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh. Các mức độ đánh giá ở mỗi tiêu chí dựa trên tiêu chí tại CV5555 được mô tả dưới đây [1].

Tiêu chí	Mức độ		
	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Mức độ phù hợp của chuỗi hoạt động học với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.	Tình huống/ câu hỏi nhiệm vụ mở đầu nhằm huy động kiến thức/ kỹ năng đã có của học sinh để chuẩn bị học kiến thức, kỹ năng mới nhưng chưa tạo được mâu thuẫn nhận thức để đặt ra vấn đề/ câu hỏi chính của bài học.	Tình huống/ câu hỏi nhiệm vụ mở đầu chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/ kỹ năng đã có của học sinh; tạo được mâu thuẫn nhận thức.	Tình huống/ câu hỏi nhiệm vụ mở đầu gần gũi với kinh nghiệm sống của học sinh và chỉ có thể được giải quyết một phần hoặc phỏng đoán được kết quả nhưng chưa lí giải được đầy đủ bằng kiến thức/kỹ năng cũ; đặt ra được vấn đề/câu hỏi chính của bài học.

	Kiến thức mới được trình bày rõ ràng, tường minh bằng kênh chữ/ kênh hình/ kênh tiếng; có câu hỏi/ lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới.	Kiến thức mới được thể hiện trong kênh chữ/ kênh hình/ kênh tiếng; có câu hỏi/ lệnh cụ thể cho học sinh hoạt động để tiếp thu kiến thức mới và giải quyết được đầy đủ tình huống/ câu hỏi/ nhiệm vụ mở đầu.	Kiến thức mới được thể hiện bằng kênh chữ/ kênh hình/ kênh tiếng gắn với vấn đề cần giải quyết; tiếp nối với vấn đề/ câu hỏi chính của bài học để học sinh tiếp thu và giải quyết được vấn đề/ câu hỏi chính của bài học.
	Có câu hỏi/ bài tập vận dụng trực tiếp những kiến thức mới học nhưng chưa nêu rõ lí do, mục đích của mỗi câu hỏi/ bài tập.	Hệ thống câu hỏi/ bài tập được lựa chọn thành hệ thống; mỗi câu hỏi/ bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/ kĩ năng cụ thể.	Hệ thống câu hỏi/ bài tập được lựa chọn thành hệ thống, gắn với tình huống thực tiễn; mỗi câu hỏi/ bài tập có mục đích cụ thể, nhằm rèn luyện các kiến thức/ kĩ năng cụ thể.
	Có yêu cầu học sinh liên hệ thực tế/ bổ sung thông tin liên quan nhưng chưa mô tả rõ sản phẩm vận dụng mở rộng.	Nêu rõ yêu cầu và mô tả rõ sản phẩm vận dụng/ mở rộng mà học sinh phải thực hiện.	Hướng dẫn để học sinh tự xác định vấn đề, nội dung, hình thức thể hiện của sản phẩm vận dụng/ mở rộng.
Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi	Mục tiêu của mỗi hoạt động học và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động đó được mô tả rõ ràng nhưng chưa nêu rõ	Mục tiêu và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt động học được tổ chức cho học sinh	Mục tiêu, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động được mô tả rõ ràng; phương thức hoạt

<i>nhiệm vụ học tập</i>	phương thức hoạt động của học sinh/nhóm học sinh nhằm hoàn thành sản phẩm học tập đó.	được trình bày rõ ràng, cụ thể, thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập cần hoàn thành.	động học được tổ chức cho học sinh thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập và đối tượng học sinh.
Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành nhưng chưa mô tả rõ cách thức mà học sinh hành động với thiết bị dạy học và học liệu đó.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/ viết/ nghe/ nhìn/ thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện được sự phù hợp với sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành; cách thức mà học sinh hành động (đọc/ viết/ nghe/ nhìn/ thực hành) với thiết bị dạy học và học liệu đó được mô tả cụ thể, rõ ràng, phù hợp với kỹ thuật học tích cực được sử dụng.
Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.	Phương thức đánh giá sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học được mô tả nhưng chưa có phương án kiểm tra trong quá trình hoạt động học của học sinh.	Phương án kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trong các hoạt động học	Phương án kiểm tra đánh giá quá trình hoạt động học và sản phẩm học tập của học sinh được mô tả rõ, trong đó thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt của các sản phẩm học tập trung gian và sản phẩm học tập cuối cùng của các hoạt động học.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Phần này tập trung phân tích đặc điểm chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới 2018

1.2.1. Vị trí và tên môn học trong chương trình giáo dục phổ thông

Trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Ngữ văn tồn tại với tư cách là môn học bắt buộc, thuộc lĩnh vực *Giáo dục ngôn ngữ và văn học*. Môn học này được bắt đầu từ lớp 1 và kéo dài đến lớp 12. Tùy theo nhiệm vụ của từng bậc học mà môn Ngữ văn có tên gọi và thời lượng khác nhau. Ở tiểu học, môn học này được gọi là môn Tiếng Việt, mỗi năm học 35 tuần với số tiết học cho mỗi lớp là: lớp 1 (420 tiết), lớp 2 (350 tiết), lớp 3 (280 tiết), lớp 4 (245 tiết) lớp 5 (245 tiết). Ở trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) môn học này tên là Ngữ văn, mỗi năm học 35 tuần, số tiết học cho mỗi lớp của cấp THCS là 140 tiết; cấp THPT mỗi lớp là 105 tiết, ngoài ra có 35 tiết chuyên đề tự chọn.

1.2.2. Chương trình môn Ngữ văn là chương trình được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực.

Chương trình giáo dục định hướng năng lực (định hướng phát triển năng lực) nay còn gọi là *dạy học định hướng kết quả đầu ra* được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỷ 20 và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Giáo dục định hướng năng lực nhằm mục tiêu phát triển năng lực người học.

Chương trình môn Ngữ văn là chương trình được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực. Phát triển năng lực nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học Ngữ văn. Chương trình Ngữ văn 2018 chú ý đến tính chất công cụ và thẩm mỹ - nhân văn; chú trọng mục tiêu và giải pháp giúp học sinh phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực; kết hợp phát triển các năng lực chung (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) với phát triển các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học,...); kết hợp phát triển năng lực với phát triển phẩm chất. Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp và các năng lực cốt lõi để học tập tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả, và để học suốt đời. Môn Ngữ văn là một trong những môn học trực tiếp hình thành và phát triển cả năm phẩm chất chủ yếu cho học sinh ở tất cả các cấp học. Các phẩm chất này được môn Ngữ văn hình thành và phát triển cho học sinh chủ yếu thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học. Từ việc hướng dẫn đọc hiểu các văn bản văn học đặc sắc, môn Ngữ văn tạo cho học sinh cơ hội khám phá bản thân và thế giới

xung quanh, thấu hiểu con người, biết đồng cảm, sẻ chia, có cá tính và đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; bồi dưỡng cho học sinh tình yêu đối với quê hương, đất nước, con người; tình yêu tiếng Việt và văn học, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; giúp học sinh thấy rõ vai trò và tác dụng của môn học đối với đời sống con người, có thói quen và nhu cầu đọc sách, có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại, có khả năng hội nhập quốc tế, có ý thức và tác phong của một công dân toàn cầu.

Môn Ngữ văn có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung đã được nêu trong chương trình tổng thể. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản. Chương trình môn học Ngữ văn không có nhiệm vụ đào tạo nhà văn. Môn Ngữ văn có ưu thế hình thành và phát triển cho học sinh năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Chương trình cần phải giúp học sinh biết “cách” đọc, viết, nói, nghe. Chương trình chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho học sinh năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp.

1.2.3. Nội dung chương trình môn Ngữ văn được xác định thông qua các yêu cầu cần đạt.

Chương trình Ngữ văn 2018 tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là “sản phẩm cuối cùng” của quá trình dạy học. *Việc quản lý chất lượng dạy học chuyển từ việc “điều khiển đầu vào” sang “điều khiển đầu ra”, tức là kết quả học tập của học sinh [2].*

Chương trình Ngữ văn 2018 không quy định những nội dung dạy học chi tiết mà quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình giáo dục, trên cơ sở đó đưa ra những hướng dẫn chung về việc lựa chọn nội dung, phương pháp, tổ chức và đánh giá kết quả dạy học nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu dạy học tức là đạt được kết quả đầu ra mong muốn. Trong chương trình định hướng năng lực, mục tiêu học tập, tức là kết quả học tập mong muốn thường được mô tả thông qua hệ thống các năng lực. Kết quả học tập mong muốn được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được. Học sinh cần đạt được những kết quả yêu cầu đã quy định trong chương trình. Việc đưa ra các chuẩn đào tạo cũng là nhằm đảm bảo quản lý chất lượng giáo dục theo định hướng kết quả đầu ra.

1.2.4. Nội dung chương trình Ngữ văn 2018 được chia theo hai giai đoạn

Giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp là hai giai đoạn cơ bản để dạy học về Ngữ văn. Nội dung giáo dục ở mỗi giai đoạn có những đặc điểm riêng:

- Giai đoạn giáo dục cơ bản: Giúp học sinh trên cơ sở phát triển năng lực ngôn ngữ, sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học khác hình thành và phát triển năng lực văn học, biểu hiện đặc thù của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để học sinh phát triển về tâm hồn, nhân cách. Kiến thức văn học và tiếng Việt được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi cấp học.

- Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp học sinh nâng cao năng lực ngôn ngữ, yêu cầu cao hơn về năng lực văn học, nhất là năng lực tiếp nhận văn bản văn học; tăng cường kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận, văn bản thông tin có độ phức tạp cao hơn về nội dung và kĩ thuật viết, trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học.

Ngoài ra, trong mỗi năm, những học sinh có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Tính hướng nghiệp với môn Ngữ văn thể hiện ở mấy điểm sau:

- Trang bị cho học sinh công cụ giao tiếp chắc chắn để có thể học tập và làm việc hiệu quả;
- Cung cấp thêm những hiểu biết sâu về văn học, ngôn ngữ học để học sinh có cơ sở bước đầu lựa chọn đúng các ngành liên quan cần đến các hiểu biết này;
- Ngữ liệu/văn bản đưa vào SGK chú ý hơn đến đề tài thuyết minh về các ngành nghề trong xã hội, nhất là các văn bản thông tin và nghị luận.

1.2.5. Chương trình Ngữ văn được xây dựng theo hướng mở

Đây là điểm đổi mới thực sự trong việc xây dựng chương trình môn Ngữ văn. Tính chất mở của chương trình được thể hiện ở những điểm quan trọng sau đây: Một là không quy định chi tiết về nội dung dạy học, nhất là các văn bản/ tác phẩm cụ thể mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số văn bản, tác phẩm có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc. Đây là nội dung thống nhất, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc. Hai là những văn bản, tác phẩm khác được chương trình nêu lên trong phần cuối văn bản chỉ là sự gợi ý về ngữ liệu, minh họa về thể loại, kiểu loại văn bản. Ba là cho phép các tác giả sách

giáo khoa (SGK) căn cứ vào các yêu cầu bắt buộc của chương trình, chủ động, sáng tạo trong việc triển khai các nội dung dạy học cụ thể theo yêu cầu phát triển chương trình. Bốn là cho phép giáo viên được lựa chọn SGK, sử dụng một hay kết hợp nhiều sách, nhiều nguồn tư liệu khác nhau để dạy học trên cơ sở bám sát mục tiêu và đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Năm là yêu cầu việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối cấp không dựa vào các ngữ liệu đã học trong một cuốn SGK Ngữ văn cụ thể mà lấy yêu cầu cần đạt nêu trong văn bản chương trình môn học làm căn cứ để biên soạn đề kiểm tra, đánh giá.

Có thể thấy, chương trình có định hướng mở về ngữ liệu nhưng để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, chương trình Ngữ văn 2018 quy định một số ngữ liệu bắt buộc và bắt buộc lựa chọn.

1.2.6. Kiểm tra đánh giá trong chương trình Ngữ văn 2018

Chương trình Ngữ văn 2018 thực hiện đánh giá theo yêu cầu năng lực, dựa vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh đã được quy định trong chương trình. Với cách đánh giá này, tình trạng sao chép văn mẫu, học thuộc tài liệu có sẵn, thiếu chân thực, không thể hiện được suy nghĩ của cá nhân người viết sẽ được khắc phục. Chương trình Ngữ văn 2018 đã định hướng đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó...); sử dụng và khai thác ngữ liệu mới; đa dạng các hình thức đánh giá. *Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của học sinh, khuyến khích sáng tạo...[12]*

1.2.7. Những thay đổi cơ bản về nội dung môn Ngữ văn 2018 so với chương trình hiện hành (2006)

Chương trình Ngữ văn 2018 có nhiều thay đổi từ mục tiêu, cách tiếp cận, nguyên tắc xây dựng chương trình, yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả.

* Chương trình Ngữ văn 2006 về cơ bản vẫn tiếp cận theo hướng dạy học nội dung, xuất phát từ các vấn đề chính của khoa học văn học và ngữ học ở các bậc học lớn để thu nhỏ cho các cấp học phổ thông. *Môn Ngữ văn cung cấp cho học sinh những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, có tính hệ thống về ngôn ngữ và văn học, phù hợp với trình độ phát triển của lứa tuổi và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước[3].* Do đó, nội dung dạy học nặng về lí thuyết, hàn lâm, thiếu thiết thực... Chương trình Ngữ văn 2018 xuất phát từ các yêu cầu cần đạt cho chuẩn đầu ra của học sinh về năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học để lựa chọn các nội dung văn học

và ngữ học cần dạy. Các kiến thức được chọn lọc làm sao phục vụ tốt nhất cho việc hình thành kỹ năng, phục vụ đắc lực, trực tiếp cho yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Những kiến thức hàn lâm, không cần thiết vì thế được loại bỏ.

Chương trình trước đây thường được thiết kế độc lập theo ba cấp khác nhau về người biên soạn, thời điểm và cách thức triển khai. Hệ quả có sự chênh lệch khá lớn trong quan niệm, cách tiếp cận, thuật ngữ, khái niệm... giữa chương trình các cấp. Chương trình Ngữ văn mới lần này được thiết kế cùng một lúc cả ba cấp do một tập thể tác giả, với cùng một quan điểm chung, thống nhất với chương trình tổng thể của tất cả các môn học. Vì thế tạo được sự thống nhất, đồng bộ liên thông trong quan điểm, cách tiếp cận, nội dung và cấu trúc văn bản chương trình.

Chương trình Ngữ văn 2006 được xây dựng với các trục khác nhau [3]. Ở tiểu học lấy nội dung chủ đề làm theo trục tích hợp dạy các kỹ năng ngôn ngữ; lên trung học cơ sở lấy các kiểu văn bản trong tạo lập và các thể loại văn học tương ứng của văn học để làm trục tích hợp; đến trung học phổ thông dựa vào trục thể loại và lịch sử văn học để tổ chức chương trình. Chương trình môn Ngữ văn lần này chỉ dựa trên một trục tích hợp duy nhất là các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe). Đây là trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp, lớp.

* Có thể nêu một số điểm đổi mới cụ thể về nội dung dạy học của chương trình 2018 như sau:

- Chương trình 2006 rất coi trọng việc quy định các nội dung cụ thể cho từng lớp: tác giả, tác phẩm, trích đoạn, các đơn vị tiếng Việt và nội dung dạy tập làm văn... Tất cả được quy định chặt chẽ và bắt buộc tác giả SGK và giáo viên phải tuân thủ. Nội dung chương trình Ngữ văn 2018 được thiết kế theo định hướng mở như đã nêu ở trên.

- Chương trình 2006 chỉ tập trung vào yêu cầu dạy nội dung, chỉ nêu dạy đọc hiểu những văn bản- tác phẩm nào mà không nêu yêu cầu về kỹ năng đọc. Chương trình Ngữ văn 2018 chỉ gợi ý về đọc những văn bản- tác phẩm nhưng lại quy định rất rõ yêu cầu về kỹ năng cần đạt.

- Chương trình 2006 tập trung trang bị kiến thức và mục tiêu cũng hướng tới việc giúp học sinh có nhiều kiến thức. Với chương trình Ngữ văn 2018, kiến thức là phương tiện để đạt được mục tiêu năng lực. Nhưng kiến thức vẫn có vai trò quan trọng trong chương trình mới. Tất cả các kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học đều nhằm phục vụ cho việc đọc hiểu, viết và nghe nói tốt hơn; biết cảm thụ, thưởng

thức, đánh giá các giá trị văn học tốt hơn, tinh tế hơn. Tất cả các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được hình thành qua hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập văn bản; hạn chế tối đa các bài học chỉ thuần túy lí thuyết về tiếng Việt cũng như văn học; giúp học sinh sử dụng các kiến thức ấy để đọc, viết và nghe nói một cách hữu ích, thiết thực và hiệu quả.

- Với chương trình 2006 và trước đó, ngữ liệu văn bản được quy định cụ thể trong chương trình. Từng văn bản được nêu tên cụ thể cho từng khối lớp.

- Ví dụ:

Chương trình Ngữ văn 2006: Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX: + Thơ: *Thuật hoài* - Phạm Ngũ Lão; *Bảo kính cảnh giới, số 43* - Nguyễn Trãi; *Nhàn* - Nguyễn Bỉnh Khiêm; *Độc "Tiểu Thanh kí"* - Nguyễn Du; Phú: *Bạch Đằng giang phú* - Trương Hán Siêu; Ngâm khúc: *Chinh phụ ngâm khúc* - Đặng Trần Côn; + Nghị luận: *Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi; *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* - Thân Nhân Trung [3]

Chương trình Ngữ văn 2018: Văn bản văn học- Thần thoại- Truyện thơ dân gian, truyện ngắn, tiểu thuyết - Thơ trữ tình - Kịch bản chèo hoặc tuồng. Văn bản nghị luận: Nghị luận văn học; nghị luận xã hội. Văn bản thông tin- Báo cáo nghiên cứu; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận - Nội quy, văn bản[5]

Khác biệt lớn nhất ở chương trình Ngữ văn 2018 là chương trình chỉ nêu định hướng về các kiểu văn bản và thể loại được dạy ở từng lớp. Ngữ liệu trong chương trình mới không chỉ có văn bản văn học, văn bản nghị luận mà còn có văn bản thông tin. Văn bản thông tin tuy có xuất hiện trong chương trình và SGK hiện hành, nhưng chưa có tên gọi và chưa được phân loại chính thức, chưa được dạy và học có ý thức. Chính vì thế đây là loại văn bản mới, thường gắn với kiểu văn bản không chỉ có kênh chữ mà còn kênh hình ảnh và âm thanh.

Có thể thấy, chương trình có định hướng mở về ngữ liệu nhưng để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, chương trình Ngữ văn 2018 quy định một số ngữ liệu bắt buộc và bắt buộc lựa chọn như đã nêu.

1.2.8. Năng lực, dạy học phát triển năng lực và các năng lực đặc thù trong dạy học Ngữ văn

1.2.8.1. Năng lực và dạy học phát triển năng lực

Trong tiếng Việt, từ năng lực được sử dụng với nhiều nghĩa cụ thể, gắn với các lĩnh vực khác nhau, trong những tình huống và ngữ cảnh riêng biệt. Trong văn bản chương trình giáo dục phổ thông nhiều nước, khái niệm năng lực đã được nhiều chuyên gia định nghĩa và bàn luận khá sôi nổi. Về cơ bản, dù cách phát biểu có khác nhau nhưng đều tập trung khẳng định: nói đến năng lực là phải nói đến

khả năng thực hiện, là phải biết làm, chứ không chỉ biết và hiểu. Tất nhiên hành động làm hay thực hiện ở đây phải gắn với ý thức và thái độ; phải có kiến thức và kỹ năng chứ không phải làm một cách máy móc, mù quáng. Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Việt Nam (2018) đã xác định

- Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Có hai loại năng lực lớn:

- Năng lực cốt lõi là năng lực cơ bản, thiết yếu mà bất kì ai cũng cần phải có để sống, học tập và làm việc hiệu quả

- Năng lực đặc biệt là những năng khiếu về trí tuệ, văn nghệ, thể thao, kỹ năng sống... nhờ tố chất sẵn có ở mỗi người

Trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018), năng lực cốt lõi gồm năng lực chung và năng lực đặc thù

- Năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, tính toán, khoa học công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

Từ các năng lực cụ thể này, việc thiết kế chương trình cũng cần xác định rõ các năng lực cần trang bị và phát triển cho học sinh. Đồng thời, quá trình dạy học cũng cần lấy việc phát triển năng lực làm mục tiêu cuối cùng. Vì thế, dạy học phát triển năng lực không chỉ quan tâm đến các chất liệu (kiến thức, kỹ năng, thái độ...) mà rất cần chú ý đến cách thức, phương pháp. Nói cách khác, nội dung, kiến thức là phương tiện để đạt được mục đích cuối cùng là năng lực. Quan điểm dạy học này sẽ định hướng giúp người dạy và người học thay đổi cách dạy và cách học theo hướng học sinh chủ động tham gia kiến tạo nội dung kiến thức, vận dụng tri thức vào cuộc sống và hình thành phương pháp tự học để có thể học suốt đời.

1.2.8.2. Các năng lực đặc thù trong dạy học Ngữ văn

Môn Ngữ văn có ưu thế hình thành và phát triển cho học sinh năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Năng lực ngôn ngữ chủ yếu thể hiện ở việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ tự nhiên qua giao tiếp hằng ngày, thể hiện qua các kỹ năng đọc, viết, nói

và nghe các văn bản thông thường. Chương trình Ngữ văn mới không chủ trương đào tạo các nhà ngôn ngữ học trẻ, không cung cấp các nội dung mang tính hàn lâm, nặng về lí thuyết, mà chỉ cung cấp một số kiến thức ngôn ngữ nền tảng để người học có thể sử dụng trong việc thực hành đọc hiểu, viết, nói và nghe các kiểu loại văn bản.

Năng lực văn học là năng lực tiếp nhận, giải mã giá trị thẩm mĩ của văn bản văn học, thể hiện chủ yếu ở việc học sinh *biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật thông qua các văn bản văn học; nhận biết, lí giải, nhận xét và đánh giá những đặc sắc về hình thức văn bản văn học, từ đó biết tiếp nhận đúng và sáng tạo các thông điệp nội dung (nghĩa, ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng)*. Năng lực văn học còn thể hiện ở khả năng tạo lập văn bản, *biết cách biểu đạt (viết và nói) kết quả cảm nhận, hiểu và lí giải giá trị thẩm mĩ của văn bản văn học; bước đầu có thể tạo ra được các sản phẩm văn học*. [12]

Năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ được hình thành thông qua các hoạt động chính là đọc, viết, nói và nghe. Muốn hình thành, phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ phải thông qua các hoạt động ấy theo các yêu cầu từ thấp tới cao. Ngoài ra, môn học này còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu văn chương (viết truyện, làm thơ theo một số thể thức thông thường trước hết là góp phần giúp học sinh đọc hiểu tốt hơn văn bản văn học, sau đó là khơi gợi hứng thú và bồi dưỡng kĩ năng sáng tác ở một số học sinh có năng khiếu).

** Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ*

- Đọc trôi chảy, hiểu đúng các văn bản thuộc những kiểu, loại khác nhau với nội dung và hình thức biểu đạt có độ phức tạp tăng dần qua từng lớp học, cấp học; nhận biết, phân tích, đánh giá được nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết so sánh văn bản này với văn bản khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân và bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng,... để đọc hiểu các văn bản; có thói quen tìm tòi, mở rộng phạm vi đọc. Từ đó biết chuyển hoá được những gì đã đọc thành giá trị sống [5].

- Viết được các kiểu văn bản khác nhau với nội dung và hình thức biểu đạt có độ phức tạp tăng dần qua từng lớp học, cấp học; bảo đảm các yêu cầu về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách, ngữ dụng, yêu cầu về đặc điểm của kiểu văn bản; biết thể hiện các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ một cách rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục [5].

- Nói rõ ràng và mạch lạc các ý tưởng, thông tin, quan điểm, thái độ; biết bảo vệ quan điểm của cá nhân một cách thuyết phục, có tính đến quan điểm của người

khác; tự tin khi nói trước nhiều người; có thái độ cầu thị và văn hoá thảo luận, tranh luận phù hợp; thể hiện được chủ kiến, cá tính trong thảo luận, tranh luận[5].

- Hiểu được ý kiến người khác trong giao tiếp thông thường; nắm bắt được những thông tin quan trọng từ các bài thuyết trình, các cuộc đối thoại, thảo luận, tranh luận, có phản hồi linh hoạt và phù hợp; nhận biết, phân tích, đánh giá được cách mà người nói biểu đạt ý tưởng, cảm xúc và thuyết phục người nghe[5].

** Yêu cầu cần đạt về năng lực văn học*

- Phân biệt được các văn bản văn học và phi văn học; nhận biết được một số thể loại văn học tiêu biểu, các thành tố tạo nên tác phẩm văn học và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung[5].

- Biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật; nhận biết, lí giải, phân tích và đánh giá những đặc sắc về hình thức biểu đạt, trên cơ sở đó tiếp nhận một cách hợp lí và sáng tạo nội dung (ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng, thái độ, tình cảm), những giá trị thẩm mĩ thể hiện trong văn bản (cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả,...)[5].

- Trình bày (viết và nói) được kết quả cảm nhận và lí giải giá trị của tác phẩm văn học, tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học [5].

- Có khả năng tưởng tượng và liên tưởng, có cảm xúc trước những hình ảnh cao đẹp về thiên nhiên, con người, cuộc sống trong văn học; làm chủ được tình cảm, có hành vi ứng xử phù hợp trước các tình huống trong đời sống; vận dụng những điều đã học để hoàn thiện về nhân cách và sống một cuộc sống có ý nghĩa [5].

CHƯƠNG 2
THIẾT KẾ BÀI HỌC MINH HỌA ĐÁP ỨNG
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NGỮ VĂN MỚI 2018
“HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ QUỐC GIA”
(Ngữ văn 10)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu về phẩm chất

Góp phần giúp học sinh (HS) biết yêu mến và có thái độ trân trọng, yêu quý người hiền tài; từ đó có khát vọng phấn đấu để trở thành người hiền tài cống hiến cho đất nước.

2. Mục tiêu về năng lực

Qua bài học, HS có được các kĩ năng và kiến thức sau:

2.1. Kĩ năng đọc hiểu

- Phân tích được vai trò của người hiền tài đối với đất nước, ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ.

- Đánh giá cái hay trong cách lập luận chặt chẽ, cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghị luận.

- Lí giải được ý nghĩa, tác động của bài văn nghị luận đối với bản thân một cách phù hợp và thuyết phục.

- Vận dụng được những hiểu biết về đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại vào việc đọc hiểu văn bản “*Chiếu cầu hiền*” (Ngô Thì Nhậm).

- Rút ra được cách thức đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại.

2.2. Kiến thức tiếng Việt

- Giải thích được ý nghĩa của một số từ Hán Việt (*hiền tài, nguyên khí, quốc gia, hưng thịnh...*)

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Hoạt động khởi động, tạo tâm thế: kiểm tra dự đoán; học cá nhân và toàn lớp.

- Hoạt động đọc tổng quan văn bản: đọc diễn cảm, hỏi đáp; học cặp đôi.

- Hoạt động đọc hiểu chi tiết: phương pháp đàm thoại gợi mở; phương pháp nêu vấn đề; Phiếu học tập; học theo nhóm.

- Hoạt động đọc hiểu ý nghĩa và các giá trị của văn bản: phương pháp nêu vấn đề; học toàn lớp.

- Hoạt động liên hệ, vận dụng thực tiễn: phương pháp tình huống; phương tiện máy tính, máy chiếu; một số tranh ảnh.

C. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC															
1. Khởi động và trải nghiệm trước lúc đọc	1.1. Giáo viên (GV) dựa vào mục tiêu bài học, nêu ý nghĩa của việc học chủ đề đối với sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi học sinh; giá trị của những kiến thức và kỹ năng được học trong chủ đề với cuộc sống hiện tại và tương lai của mỗi cá nhân 1.2. Giáo viên dẫn dắt bằng câu hỏi gợi mở - Em có thể kể tên những người hiền tài của Việt Nam? - Những người hiền tài đó đã có đóng góp gì cho đất nước? 1.3. GV mời một số HS chia sẻ cá nhân 1.4. GV dẫn dắt vào bài mới															
2. Đọc tổng quan văn bản	2.1. GV phát Phiếu học tập số 1 cho HS Hãy điền những thông tin mà em cho là quan trọng vào các cột: <table><tr><th colspan="3">PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1</th></tr><tr><th>Thông tin</th><th>Nội dung thông tin</th><th>Ý nghĩa thông tin</th></tr><tr><td>Tác giả</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Bố cục văn bản</td><td></td><td></td></tr></table> - GV yêu cầu HS đọc phần Tiểu dẫn và hoàn thành Phiếu bài tập (HS hoàn thành trong 5 phút) - GV yêu cầu đại diện HS trình bày phiếu học tập của mình; HS khác nhận xét, so sánh bài làm - GV nhận xét 2.2. GV hướng dẫn HS đọc văn bản (định hướng cách đọc), chia bố cục văn bản 2.3. GV hướng dẫn huy động kiến thức và yêu cầu HS nêu ấn tượng, cảm nhận ban đầu về nội dung, hình thức thể loại của VB (làm việc cặp đôi hoặc theo nhóm) - GV chốt ý	PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1			Thông tin	Nội dung thông tin	Ý nghĩa thông tin	Tác giả			Thể loại			Bố cục văn bản		
PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1																
Thông tin	Nội dung thông tin	Ý nghĩa thông tin														
Tác giả																
Thể loại																
Bố cục văn bản																
3. Đọc hiểu chi tiết văn bản	3.1. GV hướng dẫn HS xác định nội dung VB (phát vấn) - Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? - Vấn đề đó được triển khai qua các luận điểm nào? 3.2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thức lập luận của tác giả cho những vấn đề; xác định mối liên hệ logic và tác dụng của cách lập luận đó															

	- GV chia nhóm để hoạt động theo từng vấn đề (Thảo luận nhóm) - Đại diện các nhóm thuyết trình - Thảo luận chung cả lớp dưới sự dẫn dắt của GV - HS chốt kiến thức quan trọng <i>Nhóm 1: Người hiền tài có vai trò như thế nào đối với đất nước?</i> <i>Nhóm 2: Các thánh đế minh vương đã làm gì để khuyến khích những người hiền tài?</i> <i>Nhóm 3: Việc khắc bia tiến sĩ có ý nghĩa như thế nào? Em hãy liên hệ với chính sách thu hút nhân tài ở nước ta hiện nay?</i> <i>Nhóm 4: Văn bản nghị luận trên được triển khai như thế nào? Cách đặt luận đề, triển khai luận điểm, luận cứ, luận chứng có gì đáng chú ý?</i> 3.3. GV hướng dẫn HS nhận xét về ngôn từ lập luận mang đặc trưng của văn bản nghị luận chính trị (câu hỏi đàm thoại, gợi mở với hình thức học tập chung cả lớp) - Ngôn từ được sử dụng như thế nào trong văn bản? (tính mục đích, đối tượng,... chỉ phối cách sử dụng từ ngữ trong văn bản) - So sánh với ngôn ngữ trong các văn bản khác (văn bản khoa học, văn bản văn học) 3.4. GV hướng dẫn HS đánh giá khái quát về cách lập luận của tác giả GV nêu tình huống: Nếu thay đổi cấu trúc lập luận thì hiệu quả, tác dụng có bị thay đổi không? Vì sao? HS trao đổi cặp đôi và trả lời. 3.5. GV hướng dẫn HS tổng kết lại các giá trị của văn bản *GV yêu cầu HS sử dụng sơ đồ tư duy với hình thức học tập theo nhóm: - Vẽ được sơ đồ tư duy - Trình bày về sơ đồ tư duy - GV mời một số HS trình bày kết quả của nhóm - GV chốt ý *GV nêu câu hỏi: Bài học hôm nay đã giúp em có thêm những kinh nghiệm nào về cách đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại?
4. Vận dụng	4.1. GV phát Phiếu bài tập số 2

	- Yêu cầu HS hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
	Thông tin	VB: <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i>	Cách đọc một văn bản nghị luận
	Thông tin quan trọng trong VBNL	? Những thông tin nào trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> là quan trọng? (ghi ngắn gọn thành các từ khóa)	? Khi tiếp cận một văn bản nghị luận, chúng ta cần chú ý đến những thông tin nào?
	Vấn đề của văn bản	? Văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> nêu lên vấn đề gì? Căn cứ vào đâu em biết điều đó?	? Làm thế nào để xác định được vấn đề trong một văn bản nghị luận.
	Lập luận trong văn bản	? Em nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của văn bản “ <i>Hiền tài là nguyên khí quốc gia</i> ”? Dựa vào đâu mà em đưa ra những nhận xét đó?	? Em rút ra điều gì khi phân tích nghệ thuật lập luận trong một văn bản nghị luận?
	Ứng dụng	? Em học được điều gì sau khi đọc văn bản này?	? Em rút ra điều gì khi ptích nghệ thuật lập luận trong một văn bản nghị luận?
- GV yêu cầu HS trình bày - GV nhận xét 4.2. Tùy theo bối cảnh dạy học (thời gian, nhận thức của HS,...), GV nêu vấn đề thảo luận theo hình thức toàn lớp hoặc yêu cầu mỗi nhóm HS thảo luận về 01 (một số) vấn đề đặt ra sau đây: * GV nêu vấn đề: Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta đã có những chính sách gì để khuyến khích hiền tài? - Là thế hệ trẻ, em nhận thấy mình cần phải có trách nhiệm gì đối với quê hương, đất nước? * HS thảo luận, trình bày ý kiến một cách cởi mở, miễn là có chính kiến và hợp lý.			
Đọc hiểu văn bản “CHIẾU CẦU HIỀN” (Ngô Thì Nhậm)			

5. Thực hành đọc hiểu	5.1. GV tổ chức HS thành các nhóm làm việc theo kỹ thuật khăn phủ bàn: Đọc hiểu văn bản “Chiếu cầu hiền” qua hệ thống câu hỏi sau: ? Thông tin cơ bản của <i>Chiếu cầu hiền</i> là gì? ? Nội dung chính của <i>Chiếu cầu hiền</i>? Nghệ thuật lập luận? ? Bài học rút ra sau khi học xong <i>Chiếu cầu hiền</i>? GV gợi ý: - Chỉ ra và lý giải được lí do cầu hiền của vua Quang Trung; thái độ khiêm tốn của nhà vua. Những luận điểm, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật... đã góp phần thể hiện những điều đó - Nhận xét về tư tưởng và tâm hồn, nhân cách của nhà vua. - Những điều Ngô Thì Nhậm thể hiện trong văn bản có còn giá trị với ngày hôm nay? Điều gì còn phù hợp, không còn phù hợp? - Phân tích nét độc đáo và tác dụng của cách thức lập luận, sử dụng nhiều điển cố, điển tích,,, - GV lưu ý HS vận dụng kiến thức về văn bản nghị luận trung đại, cách đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại và kinh nghiệm đọc văn bản này ở bài trước vào đọc hiểu văn bản - Tùy vào trình độ, sự hiểu biết của HS, GV có thể gợi lại hoặc cung cấp cho HS một số kiến thức về cách thức lập luận, các thao tác lập luận. Trên cơ sở đó, hướng dẫn HS vận dụng vào đọc hiểu ý nghĩa văn bản và đánh giá tác dụng của việc sử dụng cách thức lập luận khi trình bày một vấn đề (nói, viết) 5.2. GV tổ chức HS báo cáo kết quả làm việc nhóm và nhận xét
-------------------------------------	--

CHƯƠNG 3

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ MÔN NGỮ VĂN ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI 2018

3.1. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHỦ ĐỀ

3.1.1. Tên chủ đề: *Văn bản nghị luận trung đại*

3.1.2. Mục tiêu của chủ đề

(1) Góp phần giúp HS biết yêu mến và có thái độ trân trọng, yêu quý người hiền tài; từ đó có khát vọng phấn đấu để trở thành người hiền tài cống hiến cho đất nước.

(2) Qua chủ đề, HS có được các kĩ năng và kiến thức sau:

a) Kĩ năng đọc hiểu

- Phân tích được vai trò của người hiền tài đối với đất nước, ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ.

- Đánh giá cái hay trong cách lập luận chặt chẽ, cách sử dụng ngôn ngữ trong văn bản nghị luận.

- Lí giải được ý nghĩa, tác động của bài văn nghị luận đối với bản thân một cách phù hợp. Rút ra được cách thức đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại.

b) Kĩ năng viết

- Viết được văn bản nghị luận theo đúng quy trình, đảm bảo các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

- Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: *biết cách chọn vấn đề có ý nghĩa; biết xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ; biết sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng xác đáng, tin cậy.*

c) Kĩ năng nói và nghe

- Biết đánh giá, thể hiện quan điểm của bản thân về quan niệm người hiền tài, vai trò của người hiền tài trong xã hội, cách phát huy và trân trọng người tài trong đời sống.

- Nghe và nhận biết được tính hấp dẫn của bài trình bày; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) trong phần trình bày của cá nhân/ nhóm.

- Biết sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói và các phương tiện phi ngôn ngữ nhằm làm tăng sức hấp dẫn cho bài thuyết trình. Đồng thời biết tôn trọng ý kiến của người đối thoại, tranh luận có văn hoá.

d) Tiếng Việt

- Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ tiếng Việt (biện pháp tu từ, câu khẳng định, phủ định...) vào tạo lập các văn bản viết (văn bản gì?), nói (kiểu nào?)

- Giải thích được ý nghĩa của một số từ Hán Việt (*Hiền tài, Nguyên khí, Quốc gia, Hưng thịnh...*)

3.1.3. Phân phối thời lượng các bài học trong chủ đề

	Độc hiểu	Viết	Nói nghe
Thời lượng	04 tiết	02 tiết	02 tiết

3.1.4. Định hướng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học

a- Phương pháp dạy học đọc hiểu

- Hoạt động khởi động, tạo tâm thế: KT dự đoán; học cá nhân và toàn lớp.
- Hoạt động đọc tổng quan văn bản: PP đọc diễn cảm, hỏi đáp; học cặp đôi.
- Hoạt động đọc hiểu chi tiết: PP đàm thoại gợi mở; PP nêu vấn đề; Phiếu học tập; học theo nhóm.

- Hoạt động đọc hiểu ý nghĩa và các giá trị của văn bản: PP nêu vấn đề; học toàn lớp.

- Hoạt động liên hệ, vận dụng thực tiễn: PP tình huống; phương tiện máy tính, máy chiếu; một số tranh ảnh.

b- Phương pháp dạy học viết

- Hoạt động tạo hứng thú, nhu cầu viết: phương pháp nêu vấn đề; học cá nhân và học toàn lớp

- Hoạt động viết: thực hành viết (viết nháp; sáng tạo); học cá nhân, học toàn lớp

c- Phương pháp dạy học nói - nghe

- Hoạt động tạo hứng thú, nhu cầu nói: PP nêu vấn đề, thuyết trình, giới thiệu; học cá nhân, toàn lớp, học cặp đôi

- Hoạt động nói - nghe: PP thực hành nói (thuyết trình, giới thiệu, trao đổi, thảo luận); học cá nhân, toàn lớp, cặp đôi.

3.1.5. Định hướng kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh

a- Sản phẩm học tập của HS

- Bài trình bày theo nhóm
- Bài tập đánh giá đọc hiểu
- Bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội
- Bài thuyết trình về người hiền tài, vai trò của người hiền tài trong xã hội

b-Bài kiểm tra kết thúc chủ đề

Bài kiểm tra 45 phút (tổng hợp các kĩ năng).

3.2. QUY TRÌNH THIẾT KẾ BÀI HỌC THEO CHỦ ĐỀ

3.2.1. Xác định tên chủ đề, thời lượng thực hiện

a- Xác định tên chủ đề: Tập hợp các đơn vị kiến thức gần nhau có mối liên hệ về lí luận, thực tiễn từ đó cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học thành chủ đề dạy học.

b- Thời lượng: Số lượng tiết cho một chủ đề nên có dung lượng vừa phải, để việc biên soạn và tổ chức thực hiện khả thi, phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực.

3.2.2. Xác định mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học theo chương trình Ngữ văn hiện hành thường được xác định bằng 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mục tiêu bài học theo chương trình 2018 cần xác định 2 nội dung: phẩm chất và năng lực. Nhưng cần lưu ý phẩm chất và năng lực cần gắn chặt với nội dung bài học, từ nội dung bài học, không nêu chung chung. Muốn vậy, cần phải xuất phát từ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong chương trình mới, căn cứ vào đặc trưng của chủ đề để xác định mục tiêu sao cho phù hợp.

Ví dụ: dạy học theo một chủ đề văn bản nghị luận, cần phải xác định mục tiêu của việc dạy đọc, viết, nghe, nói theo yêu cầu cần đạt về văn bản nghị luận, đồng thời cụ thể hóa theo bài học cụ thể trong chuyên đề.

Theo yêu cầu tích hợp của chương trình mới, bài học không chỉ tích hợp nội dung mà còn cả tích hợp các kỹ năng (đọc, viết, nói và nghe) vì thể dung lượng khá lớn, mỗi bài có thể trên dưới 10 tiết học. Theo hướng này, việc xác định mục tiêu bài học lớn sẽ phong phú hơn.

Như thế, mục tiêu của bài học tích hợp đã bao hàm mục tiêu của các tiết học đọc, viết, nói và nghe. Tuy vậy mỗi tiết học phải tập trung vào mục tiêu chính của tiết học ấy; chẳng hạn: mục tiêu của tiết đọc hiểu văn bản là hiểu văn bản và biết cách đọc văn bản. Việc xác định mục tiêu bài học cần gắn chặt với việc tổ chức các hoạt động dạy học bên dưới theo nguyên tắc: cái gì đã đặt ra ở mục tiêu thì phải có hoạt động dạy học ở dưới để thực hiện được mục tiêu ấy. Vì thế một bài học theo chủ đề phải cân nhắc chỉ nêu một vài mục tiêu trọng yếu, không nên quá nhiều, quá xa, không gắn với nội dung bài học.

3.2.3. Thiết bị dạy học

Đối với giờ học Ngữ văn, SGK (văn bản đọc, hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn tìm hiểu bài) là tối thiểu bắt buộc. Những thiết bị khác như tranh ảnh, máy chiếu, loa đài, CD, các video clip, máy tính và mạng internet... tùy vào điều kiện của giáo viên và nhà trường, từ yêu cầu cần đạt và nội dung chủ đề, giáo viên xác định và chuẩn bị các thiết bị dạy học cho phù hợp và có hiệu quả.

3.2.4. Tiến trình và nội dung dạy học

Bước 1) Mở đầu bài học

Hoạt động 1: Khởi động, gợi dẫn, tạo không khí, giới thiệu bài học bằng cách phù hợp với nội dung bài học và năng lực, sở trường của mỗi giáo viên. Yêu cầu đúng trọng tâm, ngắn gọn, phát động được kiến thức nền của học sinh...

Bước 2) Tổ chức, hướng dẫn đọc hiểu văn bản/ dạy viết/dạy nói, nghe

Hoạt động 2-3: Tổ chức, hướng dẫn học sinh đọc/viết/nói/nghe về kiểu văn bản bằng phương pháp, hình thức phù hợp. Yêu cầu sử dụng các phương pháp dạy

học phát huy tính tích cực, các hình thức tổ chức dạy học khác nhau như dạy học hợp tác, cá thể,...

Hoạt động 4: Khái quát chung về kết quả đọc/viết/ nói/nghe

- Khái quát chung về kết quả đọc/viết/ nói/nghe
- Rút phương pháp, cách đọc viết/ nói/nghe kiểu/ thể loại văn bản này.
- Yêu cầu và gợi ý đọcviết/ nói/nghe mở rộng các văn bản tương tự.

3.2.5. Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học

Có rất nhiều phương pháp và kĩ thuật dạy học; giáo viên tùy vào yêu cầu cần đạt của chương trình, nội dung dạy học, đối tượng học sinh cụ thể để lựa chọn phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học cho phù hợp và có hiệu quả. Định hướng chung là vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo; hạn chế việc giáo viên đọc hộ, hiểu và cảm thụ hộ học sinh, tôn trọng việc tiếp nhận độc lập của người đọc, tránh áp đặt nhưng cũng cần làm trọng tài và có gợi dẫn, nhận xét, lời bình trong những tình huống cần thiết.

3.2.6. Thiết kế hoạt động dạy học

Mỗi 1 hoạt động thường thiết kế theo các yêu cầu sau:

- Nêu nhiệm vụ cho HS
- Tổ chức cho HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ (cá nhân hoặc nhóm)
- Tổ chức cho HS trình bày, thảo luận kết quả làm việc.
- Tổ chức nhận xét, đánh giá, kết luận và rút kinh nghiệm.

3.3. THIẾT KẾ BÀI HỌC THEO CHỦ ĐỀ

HOẠT ĐỘNG	CÁCH THỨC TỔ CHỨC
ĐỌC HIỂU	
	Đọc hiểu văn bản: “HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ QUỐC GIA” (Trích Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất) -Thân Nhân Trung-
1. Khởi động và trải nghiệm trước lúc đọc	1.1. GV dựa vào mục tiêu bài học, nêu ý nghĩa của việc học chủ đề đối với sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi HS; giá trị của những kiến thức và kĩ năng được học trong chủ đề với cuộc sống hiện tại và tương lai của mỗi cá nhân 1.2. Giáo viên dẫn dắt bằng câu hỏi gợi mở - Em có thể kể tên những người hiền tài của Việt Nam? - Những người hiền tài đó đã có đóng góp gì cho đất nước? 1.3. GV mời một số HS chia sẻ cá nhân 1.4. GV giới thiệu bài mới

2. Đọc tổng quan văn bản	2.2. GV phát Phiếu học tập số 1 cho HS		
	Điền những thông tin mà em cho là quan trọng vào các cột sau		
	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
	Thông tin	Nội dung thông tin	Ý nghĩa thông tin
	Tác giả		
3. Đọc hiểu chi tiết văn bản	Thể loại		
	Bố cục văn bản		
	- GV yêu cầu HS đọc phần Tiểu dẫn và hoàn thành phiếu bài tập (HS hoàn thành trong 5 phút) - GV yêu cầu đại diện HS trình bày phiếu học tập của mình; HS khác nhận xét, so sánh bài làm - GV nhận xét		
	2.2. GV hướng dẫn HS đọc văn bản, chia bố cục văn bản		
	2.3. GV hướng dẫn huy động kiến thức và yêu cầu HS nêu ấn tượng, cảm nhận ban đầu về nội dung, hình thức thể loại của VB (làm việc cặp đôi hoặc theo nhóm)		
3. Đọc hiểu chi tiết văn bản	3.1. GV hướng dẫn HS xác định nội dung văn bản (phát vấn)		
	- Văn bản trên đề cập đến vấn đề gì? - Vấn đề đó được triển khai qua các luận điểm nào?		
	3.2. GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách thức lập luận của tác giả cho những vấn đề; xác định mối liên hệ logic và tác dụng của cách lập luận đó		
	- GV chia nhóm để hoạt động theo từng vấn đề (Thảo luận nhóm) - Đại diện các nhóm thuyết trình - Thảo luận chung cả lớp dưới sự dẫn dắt của GV - HS chốt kiến thức quan trọng		
	Nhóm 1: Người hiền tài có vai trò như thế nào đối với đất nước? Nhóm 2: Các thánh đế minh vương đã làm gì để khuyến khích những người hiền tài? Nhóm 3: Việc khắc bia tiến sĩ có ý nghĩa như thế nào? Em hãy liên hệ với chính sách thu hút nhân tài ở nước ta hiện nay? Nhóm 4: Văn bản nghị luận trên được triển khai như thế nào? Cách đặt luận đề, triển khai luận điểm, luận cứ, luận chứng có gì đáng chú ý?		

	3.3. GV hướng dẫn HS nhận xét về ngôn từ lập luận mang đặc trưng của văn bản nghị luận chính trị (câu hỏi đàm thoại, gợi mở với hình thức học tập chung cả lớp) - Ngôn từ được sử dụng như thế nào trong văn bản? (tính mục đích, đối tượng,... chi phối cách sử dụng từ ngữ trong văn bản) - So sánh với ngôn ngữ trong các văn bản khác (văn bản khoa học, văn bản văn học) 3.4. GV hướng dẫn HS đánh giá khái quát về cách lập luận của tác giả GV nêu tình huống: Nếu thay đổi cấu trúc lập luận thì hiệu quả, tác dụng có bị thay đổi không? Vì sao? HS trao đổi cặp đôi, trả lời 3.5. GV hướng dẫn HS tổng kết lại các giá trị của văn bản * GV yêu cầu HS sử dụng sơ đồ tư duy với hình thức học tập theo nhóm: - Vẽ được sơ đồ tư duy - Trình bày về sơ đồ tư duy - GV mời một số HS trình bày kết quả của nhóm - GV chốt kiến thức * GV nêu câu hỏi : Bài học đã giúp em có thêm những kinh nghiệm nào về cách đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại?									
4. Vận dụng	4.1. GV phát phiếu bài tập số 2 - Yêu cầu HS hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 <table><tr><th>Thông tin</th><th>VB: <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i></th><th>Cách đọc một văn bản nghị luận</th></tr><tr><td>Thông tin quan trọng trong văn bản nghị luận</td><td>? Những thông tin nào trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> là quan trọng? (Ghi ngắn gọn thành các từ khóa)</td><td>? Khi tiếp cận một văn bản nghị luận, chúng ta cần chú ý đến những thông tin nào?</td></tr><tr><td>Vấn đề của văn bản</td><td>? VB <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> nêu lên vấn đề gì? Căn cứ vào đâu để em biết điều đó?</td><td>? Làm thế nào để xác định được vấn đề trong một văn bản nghị luận?</td></tr></table>	Thông tin	VB: <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i>	Cách đọc một văn bản nghị luận	Thông tin quan trọng trong văn bản nghị luận	? Những thông tin nào trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> là quan trọng? (Ghi ngắn gọn thành các từ khóa)	? Khi tiếp cận một văn bản nghị luận, chúng ta cần chú ý đến những thông tin nào?	Vấn đề của văn bản	? VB <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> nêu lên vấn đề gì? Căn cứ vào đâu để em biết điều đó?	? Làm thế nào để xác định được vấn đề trong một văn bản nghị luận?
Thông tin	VB: <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i>	Cách đọc một văn bản nghị luận								
Thông tin quan trọng trong văn bản nghị luận	? Những thông tin nào trong văn bản <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> là quan trọng? (Ghi ngắn gọn thành các từ khóa)	? Khi tiếp cận một văn bản nghị luận, chúng ta cần chú ý đến những thông tin nào?								
Vấn đề của văn bản	? VB <i>Hiền tài là nguyên khí Quốc gia</i> nêu lên vấn đề gì? Căn cứ vào đâu để em biết điều đó?	? Làm thế nào để xác định được vấn đề trong một văn bản nghị luận?								

	Lập luận trong VB	? Em nhận xét gì về nghệ thuật lập luận của văn bản “ <i>Hiền tài là nguyên khí quốc gia</i> ”? Dựa vào đâu mà em đưa ra những nhận xét đó?	? Em rút ra điều gì khi phân tích nghệ thuật lập luận trong một văn bản nghị luận?
	Ứng dụng	? Em học được điều gì sau khi đọc văn bản này?	? Em rút ra điều gì khi phân tích nghệ thuật lập luận trong một văn bản nghị luận?
- GV yêu cầu HS trình bày - GV nhận xét 4.2. Tùy theo bối cảnh dạy học (thời gian, nhận thức của HS,...), GV nêu vấn đề thảo luận theo hình thức toàn lớp hoặc yêu cầu mỗi nhóm HS thảo luận về 01 (một số) vấn đề đặt ra sau đây: * GV nêu vấn đề: - Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước ta đã có những chính sách gì để khuyến khích người hiền tài? - Là thế hệ trẻ, em nhận thấy mình cần phải có trách nhiệm gì đối với quê hương, đất nước? * HS thảo luận, trình bày ý kiến một cách cởi mở, miễn là có chính kiến và hợp lý.			
5. Thực hành đọc hiểu	Đọc hiểu văn bản “ CHIẾU CẦU HIỀN ” (Ngô Thì Nhậm)		
	5.1. GV tổ chức HS thành các nhóm làm việc theo kỹ thuật khăn phủ bàn: Đọc hiểu văn bản “<i>Chiếu cầu hiền</i>” qua hệ thống câu hỏi sau: ? Thông tin cơ bản của <i>Chiếu cầu hiền</i> là gì? ? Nội dung chính của <i>Chiếu cầu hiền</i>? Nghệ thuật lập luận? ? Bài học rút ra sau khi học xong <i>Chiếu cầu hiền</i>? GV gợi ý: - Chỉ ra và lý giải được lí do cầu hiền của vua Quang Trung; thái độ khiêm tốn của nhà vua. Những luận điểm, từ ngữ, biện pháp nghệ thuật... đã góp phần thể hiện những điều đó - Nhận xét về tư tưởng và tâm hồn, nhân cách của nhà vua.		

	- Những điều Ngô Thì Nhậm thể hiện trong văn bản có còn giá trị với ngày hôm nay? Điều gì còn phù hợp, không còn phù hợp? - Phân tích nét độc đáo và tác dụng của cách thức lập luận, sử dụng nhiều điển cố, điển tích,,, - GV lưu ý HS vận dụng kiến thức về văn bản nghị luận trung đại, cách đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại và kinh nghiệm đọc văn bản này ở bài trước vào đọc hiểu văn bản - Tùy vào trình độ, sự hiểu biết của HS, GV có thể gọi lại hoặc cung cấp cho HS một số kiến thức về cách thức lập luận, các thao tác lập luận. Trên cơ sở đó, hướng dẫn HS vận dụng vào đọc hiểu ý nghĩa văn bản và đánh giá tác dụng của việc sử dụng cách thức lập luận khi trình bày một vấn đề (nói, viết)
VIẾT	
1. Khởi động	1.1. GV nêu câu hỏi - Để có thể thuyết phục người khác một về vấn đề, cần phải lưu ý những yếu tố nào trong khi nói và viết? 1.2. HS chia sẻ
2. Chuẩn bị viết	2.1. GV định hướng HS lựa chọn nội dung viết bài văn nghị luận - Viết về một vấn đề tâm đắc sau khi học văn bản “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. VD: Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề trọng dụng hiền tài ở nước ta hiện nay. 2.2. GV lưu ý HS nhớ lại (hoặc gọi một số HS nhắc lại) các yêu cầu và quy trình viết bài văn nghị luận đã học ở THCS 2.3. GV hướng dẫn HS tìm kiếm và tham khảo các bài nghị luận văn học trong sách, tài liệu hoặc trên Internet - Lưu ý HS về việc không sao chép, đạo văn.
3. Thực hành viết	- GV tổ chức viết bài- Mỗi HS phải lựa chọn 01 vấn đề để viết
4. Đánh giá, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết	4.1. GV tổ chức đánh giá về cách chọn vấn đề của HS 4.2. GV đánh giá về lập luận của HS từ đó nêu cách lập luận tốt nhằm thuyết phục người nghe 4.3. GV tổ chức chỉnh sửa về diễn đạt và chính tả để HS có thể hoàn thiện bài viết
5. Luyện viết nâng cao	- Luyện viết nâng cao : Xây dựng 01 bài thuyết trình về vấn đề xã hội (vấn đề đã biết trong các tiết học trước)

NÓI - NGHE	
1. Khởi động	1.1. GV cho HS xem video về sự cống hiến, đóng góp của người hiền tài trong đời sống xã hội hiện nay (Việt Nam và thế giới) - GV cho HS xem video, tranh ảnh nhà bia trong khu Văn Miếu và một số danh nhân nổi tiếng của Việt Nam. 1.2. GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời (1). Đoạn video giới thiệu nhân vật nào? Vì sao được ghi nhận? (2). Em có ý kiến gì về những đóng góp của nhân vật đó đối với đời sống xã hội? (3). Hình ảnh khu nhà bia gợi cho em cảm nhận điều gì về cách chế độ phong kiến xưa đối đãi với những người tài giỏi/ những tiến sĩ của đất nước? 1.3. GV tổ chức cho HS trả lời, GV nhận xét và định hướng
2. Chuẩn bị nói	2.1. GV chia nhóm HS và thực hiện nhiệm vụ học tập Vấn đề: Quan điểm của em về người tài và mục đích phấn đấu của bản thân để trở thành người tài, người có ích cho xã hội - Nội dung và hình thức bài trình bày vấn đề trên - Dung lượng bài trình bày vấn đề trên 2.2. GV tổ chức cho HS chuẩn bị bài trình bày trước lớp
3. Thực hành nói	3.1. GV tổ chức cho các nhóm trình bày sản phẩm - Nêu quy định về thời gian: 07 phút/ nhóm. - Cách thức trình bày: bàn luận về quan điểm hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nêu lên suy nghĩ của giới trẻ hiện nay về vai trò của người hiền tài. - Trong khi trình bày, cần kết hợp giữa ngôn ngữ nói và cử chỉ, điệu bộ, tranh, ảnh minh họa - Các nhóm khác nghe và thảo luận - GV nhận xét, chốt ý 3.2. GV tổ chức cho cá nhân HS trình bày - Nêu quy định về thời gian: 05 phút/ cá nhân. - Cách thức trình bày: ý kiến của bản thân về vai trò của người hiền tài, định hướng phấn đấu của bản thân. - Trong khi thuyết trình, cần sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói và các phương tiện phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt), các phương tiện đi kèm (tranh ảnh, video...) - Các HS khác nghe và thảo luận, nhận xét

4. Đánh giá, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	4.1. GV chốt lại những yêu cầu cơ bản về cách trình bày các nhóm, những điểm cần lưu ý về ngôn ngữ nói, cử chỉ, điệu bộ, những hành động khi trình bày 4.2. Đánh giá - GV đưa ra một số tiêu chí đánh giá bài thuyết trình: + Nội dung thuyết trình: Đúng, đầy đủ + Cách thuyết trình: Nói to, rõ ràng; sử dụng kết hợp ngôn ngữ nói (ngữ điệu phù hợp) và các phương tiện kèm ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ), các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, infographic) + Ngôn ngữ thuyết trình: Trong sáng, giản dị, không nói ngọng, nói lắp; nét mặt tự nhiên
5. Luyện nói - nghe nâng cao	* <i>Luyện nói nghe nâng cao</i> - Trình bày ý kiến của em về câu nói của Hồ Chủ Tịch: “<i>Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó</i>”

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Cần xác định rõ yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn để lựa chọn nội dung bài học, chủ đề.

1.2. Thiết kế chủ đề theo quy trình nhằm xây dựng kế hoạch dạy học khoa học, hợp lý.

1.3. Kế hoạch dạy học xác định rõ chỉ số hành vi của năng lực cần hình thành và phát triển. Các hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đánh giá trong CV 5555.

2. Kiến nghị

Để xây dựng và sử dụng kế hoạch dạy học một cách hiệu quả, chúng tôi có một số kiến nghị:

2.1. Tập huấn cho GV nghiên cứu chương trình môn Ngữ văn 2018, trong đó tập trung vào nội dung dạy học năng lực Ngữ văn.

2.2. Thay đổi cách xác định mục tiêu trong kế hoạch dạy học và cách thiết kế hoạt động học của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *CV 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh - Môn Ngữ văn, cấp Trung học phổ thông*, (Lưu hành nội bộ), Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006) *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, Hà Nội
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội
6. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014) *Lí luận dạy học hiện đại – Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên) (2017), *Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP
8. Đỗ Ngọc Thống (2011), *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
9. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT*, NXB ĐHSP
10. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THCS*, NXB ĐHSP
11. Lê Đình Trung –Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
12. Trường ĐHSP Hà Nội (2019), *Tài liệu tìm hiểu chương trình môn Ngữ văn 2018*, Hà Nội.

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Hội đồng xét duyệt và chấm sáng kiến cấp cơ sở ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội

Tên tôi là: ***Mai Trí Trung***

Đơn vị công tác: Trường THCS-THPT Lương Thế Vinh

Năm học 2021-2022 tôi đã nghiên cứu, vận dụng và viết sáng kiến: **Thiết kế bài học minh họa và kế hoạch dạy học theo chủ đề đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới (2018)**

Tôi xin cam kết: Sáng kiến này do bản thân tôi nghiên cứu và viết. Các đề tài, mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận, đóng góp của đề tài chưa từng được đăng tải công bố trên các tài liệu và hội đồng sáng kiến các cấp nào công nhận. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng của thành phố.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

NGƯỜI CAM KẾT

Mai Trí Trung